

compose (v)

/kəm'pəʊz/

sáng tác (nhạc)



control (v)

/kən'trəʊl/

điều khiển, kiểm soát



originate (v)

/ə'rɪdʒɪneɪt/

bắt nguồn, xuất phát



perform (v)

/pə'fɔ:m/

biểu diễn, trình diễn



prefer (v)

/prɪ'fɜ:r/

thích hơn, ưa thích hơn



compel (v)

/kəm'pel/

buộc, ép (ai làm gì)

LIVEWORKSHEETS